

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỬ TRI
TRƯỚC KỲ HỌP 5 - HĐND TỈNH KHÓA IX
ĐƠN VỊ: HUYỆN BÀU BÀNG**

1. Cử tri ấp Mương Đào, xã Long Nguyên: Hiện nay, đường ĐT749a (đoạn đường trước Cty TNHH Minh Trí) đang bị xuống cấp trầm trọng. Đề nghị Sở Giao thông - Vận tải tỉnh sửa chữa, dặm và tuyến đường trên để người dân đi lại dễ dàng.

Sở Giao thông vận tải xin phúc đáp như sau:

Trước đây, tuyến đường ĐT.749a đoạn qua địa bàn ấp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bầu Bàng (đoạn Km1+275 - Km2+500) do Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng quản lý. Ngày 12/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng có Công văn số 1433/UBND-KT, đề nghị Sở Giao thông vận tải tiếp nhận quản lý ĐT.749a đoạn qua ấp Mương Đào, xã Long Nguyên; ngày 20/7/2017, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận quản lý đoạn tuyến trên tại Công văn số 3425/SGTVT-QLGT.

Do thời điểm tiếp nhận vào thời gian giữa năm, trong khi đó kế hoạch duy tu, sửa chữa năm 2017 đã ban hành đầu năm 2017, để duy tu, sửa chữa đoạn tuyến trên, Sở Giao thông vận tải kiến nghị Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh bổ sung kinh phí và được Hội đồng Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Bình Dương chấp thuận.

Hiện tại, Sở Giao thông vận tải đã khảo sát, lập hồ sơ thiết kế duy tu, sửa chữa và đang thẩm định thiết kế, dự kiến tổ chức đấu thầu và triển khai duy tu trong quý I năm 2018. Trước mắt, Sở Giao thông vận tải sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng thống nhất giải pháp đảm bảo giao thông đoạn đường trước Công ty TNHH Minh Trí.

2. Cử tri Huỳnh Đình Kha - đại biểu HĐND xã Lai Uyên phản ánh: UBND tỉnh Bình Dương có ban hành Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND, ngày 27/9/2017 về Quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đối với các xã đất ở là 100m², đất nông nghiệp là 1.000m². Riêng đối với đất ở hoặc theo quy hoạch là đất ở phải đáp ứng các tiêu chí về hạ tầng (đường giao thông, cấp điện, chiếu sáng, thông tin viễn thông, cấp thoát nước). Hiện nay, trên địa bàn xã Lai Uyên không có vị trí đất đáp ứng các điều kiện trên nhất là tiêu chí cấp thoát nước, gây khó khăn cho người dân trong việc tặng cho Quyền sử dụng đất cho con, hoặc chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời:

Thực hiện quy định của Luật đất đai, đồng thời để hạn chế tình trạng phân lô, bán nền trái quy định xảy ra phổ biến trong thời gian qua gây phá vỡ quy hoạch đã được duyệt gây mất mỹ quan đô thị, gây ô nhiễm môi trường, khó khăn cho công tác

phòng cháy, chữa cháy và dẫn đến phát sinh nhiều khiếu kiện phức tạp trong việc cấp giấy chứng nhận, gây không ít khó khăn trong công tác quản lý điều hành tại địa phương... Đồng thời, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho người sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 về việc quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất để điều chỉnh về vấn đề này.

Quyết định đã quy định cụ thể điều kiện: thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi tách phải tiếp giáp đường do Nhà nước quản lý; đối với trường hợp tách thửa đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất là đất ở, đất phi nông nghiệp hoặc tách thửa đất ở còn phải đảm bảo tại vị trí tách thửa đã đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật (*đường giao thông, các tuyến cáp điện, chiếu sáng, thông tin viễn thông, cấp thoát nước*) phù hợp với quy hoạch xây dựng, đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật trong khu vực... Về nội dung này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Xây dựng hướng dẫn cụ thể (hiện nay, Sở Xây dựng đang triển khai thực hiện).

Bên cạnh quy định nêu trên thì Quyết định cũng quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người sử dụng đất như: Trường hợp tách thửa đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất vẫn là đất nông nghiệp thì không yêu cầu tiếp giáp đường do Nhà nước quản lý; Đối với thửa kế quyền sử dụng đất hoặc thửa kế về nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật không áp dụng theo quyết định này; trường hợp đất ở thuộc các dự án đã được Nhà nước giao đất, phân lô theo quy hoạch chi tiết được duyệt thì thửa đất được xác định theo dự án và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; Giao trách nhiệm cho Hội đồng tư vấn do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập để xử lý các trường hợp cá biệt có nhu cầu tách thửa nhưng không đảm bảo diện tích tối thiểu...

3. *Cử tri ấp Bàu Hốt, xã Lai Uyên phản ánh:* Dự án cấp thoát nước từ hồ Phước Hòa về Mỹ Phước có thực hiện hay không. Hiện nay đất của người dân nằm trong dự án không thể sản xuất, gây thiệt hại kinh tế cho người dân. Kiến nghị các ngành liên quan có văn bản trả lời cho các hộ dân được biết để tạo điều kiện cho người dân đầu tư sản xuất kinh doanh, ổn định cuộc sống.

Sở Xây dựng trả lời:

Dự án Tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tuyến ống dẫn nước thô từ Hồ Phước Hòa về khu vực trung tâm đô thị Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 28/12/2012, giao Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương) làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, thời gian thực hiện năm 2012 - 2013. Theo dự án được duyệt, khu vực ấp Bàu Hốt, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nhằm giảm chi phí giải phóng mặt bằng, vị trí xây dựng tuyến ống dẫn nước thô đoạn qua xã Lai Uyên đã được Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương điều chỉnh đi theo hành lang đường điện 110kV Lai Uyên - Chơn Thành. Do đó, phần đất giải phóng mặt bằng để xây dựng tuyến ống nước thô qua ấp Bàu Hốt, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương sẽ không thực hiện.

4. Cử tri ấp 1, xã Hưng Hòa: Kiến nghị tặng 01 biên chế về y bác sĩ Đông y để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn xã.

Sở Y tế trả lời:

Sở Y tế đã có yêu cầu Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng (TTYT) kiểm tra tình hình thực tế, trả lời về vấn đề phản ánh của cử tri và TTYT đã phản hồi như sau:

Nhân lực tại Trạm Y tế xã Hưng Hoà huyện Bàu Bàng đã đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 về quy định trạm Y tế xã phường, thị trấn và Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của liên Bộ Y tế -Bộ Nội vụ về Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước. Hiện nay Trạm Y tế xã Hưng Hoà đã có biên chế 01 bác sĩ đa khoa và 01 y sĩ chuyên khoa Y học cổ truyền.

Trung tâm Y tế huyện đã cử 01 số viên chức tham gia các lớp chuyên khoa, trong đó có chuyên khoa Y học cổ truyền, sau khi các viên chức tốt nghiệp, TTYT sẽ bố trí viên chức có chuyên khoa Y học cổ truyền để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các xã có nhu cầu.

5. Cử tri Trịnh Thị Dương - tổ 1, ấp Ông Thanh, xã Cây Trường II: Khám và điều trị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương do bị bệnh sốt xuất huyết, viêm phổi. Trong thời gian điều trị hơn 10 ngày, bà không khỏi bệnh, có chiều hướng nặng thêm nên có yêu cầu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cho chuyển lên tuyến trên nhưng bệnh viện không đồng ý chuyển viện, gây khó khăn, buộc tự ý chuyển viện. Đề nghị xem xét thái độ phục vụ bệnh nhân của y bác sĩ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương.

Sở Y tế trả lời:

Vấn đề phản ánh của cử tri được BVĐK tỉnh trả lời như sau:

Ngày 25/5/2017 Bệnh viện đa khoa tỉnh có tiếp nhận điều trị, chăm sóc bà Trịnh Thị Dương, 74 tuổi, với chẩn đoán Sốt xuất huyết Dengue N3/Viêm phế quản. Người bệnh được Bác sĩ khám, điều trị, chăm sóc và theo dõi mỗi ngày. Trong quá trình điều trị tình trạng người bệnh tinh táo, hết sốt, ăn uống, sinh hoạt bình thường,

tuy nhiên chỉ có ho đàm nhiều. Người bệnh được Bác sĩ cho y lệnh thực hiện xét nghiệm máu, chụp X-quang tim phổi, siêu âm tim, xét nghiệm đàm, được Bác sĩ giải thích, tư vấn mỗi ngày. Qua 6 ngày điều trị, thân nhân người bệnh đề nghị xin chuyển người bệnh lên tuyến trên nhưng Bác sĩ giải thích tình trạng của người bệnh là trường hợp bệnh Sốt xuất huyết và Viêm phế quản phổi mức độ nhẹ không vượt khả năng điều trị của bệnh viện tuyến tỉnh nên không cần thiết phải chuyển tuyến. Tuy nhiên, thân nhân người bệnh đã đề nghị cho người bệnh xuất viện về nhà chăm sóc tiếp, mặc dù Bác sĩ đã giải thích tình trạng của người bệnh và Bác sĩ đã cho người bệnh xuất viện theo yêu cầu.

Bệnh viện đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế về chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nêu tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014, chứ không phải là thái độ phục vụ không tốt, gây khó khăn cho bệnh nhân như cử tri đã phản ánh.

6. Cử tri Đỗ Thị Sự - tổ 7 ấp Ông Thanh, xã Cây Trông II: Sau hơn 20 năm vào tỉnh Bình Dương lập nghiệp, hai vợ chồng tôi mua được hơn 1ha đất. Năm 2015, chồng tôi bị bệnh đã qua đời. Tôi quyết định làm thừa kế mảnh đất đó cho con (tên Trần Ngọc Chức). Phòng công chứng Bàu Bàng hướng dẫn tôi làm tờ đơn từ chối tài sản của bố mẹ chồng (vì mẹ chồng tôi còn sống), nếu mẹ chồng tôi đồng ý từ chối tài sản và ký tên xác nhận từ chối thì Phòng Công chứng Bàu Bàng mới làm thừa kế cho con tôi. Nhận thấy điều luật này không phù hợp vì mẹ chồng tôi không có đóng góp tiền bạc hay công sức vào mảnh đất mà vợ chồng tôi đã gây dựng nhưng theo Luật thừa kế vẫn phải chia một phần tài sản của hai vợ chồng tạo ra. Tôi đề nghị các ngành xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

Về vấn đề này, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015

“1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản”.

Trong trường hợp người thừa kế theo pháp luật không nhận thừa kế thì được Từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.”

Quy định về hàng thừa kế thứ nhất của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được kế thừa từ quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005. Qua đó cho thấy pháp luật dân sự Việt Nam luôn đảm bảo quyền thừa kế của vợ - chồng, cha, mẹ - con. Không chỉ đối với trường hợp thừa kế theo pháp luật mà ngay cả trường hợp thừa kế theo di chúc, tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng có quy định về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc:

“1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:

a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

b) Con thành niên mà không có khả năng lao động

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với người từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620 hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản theo quy định tại khoản 1 Điều 621 của Bộ luật này”.

Như vậy, theo quy định pháp luật nêu trên thì cha mẹ chồng của bà Đỗ Thị Sự được thừa hưởng di sản của chồng bà Sự chết để lại (Điểm a, Khoản 1, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015), trong trường hợp cha mẹ chồng bà Sự không nhận thừa kế của con mình thì được quyền từ chối nhận di sản (Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Phản ánh của bà Đỗ Thị Sự có đề cập đến Phòng công chứng Bàu Bàng, trên địa bàn tỉnh không có Phòng công chứng Bàu Bàng (tại địa bàn huyện Bàu Bàng, hiện có 02 tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động là: Văn phòng công chứng Bàu Bàng và Văn phòng công chứng Lưu Sử Trọng Nghiêm).

Sở Tư pháp đã liên hệ với 02 Văn phòng công chứng trên để xác minh thông tin phản ánh của bà Đỗ Thị Sự, theo báo cáo của 02 Văn phòng công chứng năm 2017, không có tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính nào liên quan đến việc thỏa thuận

phân chia di sản thừa kế đối với bà Đỗ Thị Sự. Đồng thời, trong thời gian qua, công chứng viên của 02 Văn phòng đã tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục khai nhận, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đúng theo quy định pháp luật và thành phần hồ sơ đảm bảo theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hộ tịch, hỗ trợ tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (*gửi kèm theo thủ tục khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*).

Vừa qua, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 1590/STP-BTTP ngày 10/11/2017 về việc một số lưu ý trong hoạt động công chứng, chứng thực và thừa phát lại đã quán triệt đến các công chứng viên khi thực hiện nhiệm vụ phải: “Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Luật Công chứng và các quy định pháp luật có liên quan; có nghĩa vụ giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch”.

Trong thời gian tới, Sở Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trong lĩnh vực thừa kế nói riêng và pháp luật về Hôn nhân và gia đình, dân sự nói chung, đồng thời, tiếp tục quán triệt đến các tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên đang hành nghề trên địa bàn tỉnh khi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng, cần chú trọng giải thích, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho người dân./.

Thủ tục số 41: Khai nhận di sản thừa kế và thoả thuận phân chia di sản thừa kế

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người có yêu cầu công chứng chuẩn bị hồ sơ yêu cầu công chứng theo quy định.

Bước 2: Người có yêu cầu công chứng nộp hồ sơ yêu cầu công chứng văn bản Khai nhận di sản thừa kế và thoả thuận phân chia di sản thừa kế cho công chứng viên tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Công chứng viên trực tiếp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ của người yêu cầu công chứng theo thứ tự. Trường hợp hồ sơ không đủ cơ sở pháp luật để giải quyết theo quy định thì Công chứng viên từ chối tiếp nhận hồ sơ và giải thích rõ lý do từ chối bằng văn bản. Thời hạn trả lời: 02 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì Công chứng viên thụ lý hồ sơ, Soạn thảo Hợp đồng, giao dịch (trong trường hợp khách hàng yêu cầu Công chứng viên soạn thảo), hướng dẫn khách đọc, kiểm tra nội dung Hợp đồng, giao dịch.

Công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của các bên tham gia giao kết Hợp đồng, giao dịch. Trong trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng, giao dịch thì Công chứng viên kiểm tra năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng và hướng dẫn các bên tham gia Hợp đồng, giao dịch ký, điểm chỉ vào các bản Hợp đồng, giao dịch trước mặt Công chứng viên.

Bước 3: Người có yêu cầu công chứng nộp phí, thù lao công chứng, chi phí khác theo quy định, nhận kết quả công chứng và ký tên vào sổ nhận kết quả công chứng tại Bộ phận trả kết quả

- Cách thức thực hiện:

+ Thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

+ Việc công chứng có thể thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

1. Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản (theo mẫu) và phiếu yêu cầu

công chứng ngoài trụ sở (nếu có).

2. Giấy tờ liên quan:

- Giấy chứng tử (trường hợp người thuộc hàng thừa kế chết không có giấy chứng tử thì phải có cam kết việc tử được UBND phường, xã, thị trấn xác nhận);

- Tờ tường trình quan hệ về nhân thân;

- Giấy tờ chứng minh tài sản do người chết để lại (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; các giấy tờ được quy định tại Điều 50 Luật đất đai); sổ tiết kiệm...

- Phiếu yêu cầu cung cấp và phiếu cung cấp thông tin địa chính (nếu có);

- Giấy khai sinh ;

- Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, chứng minh sĩ quan, chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, chứng minh công nhân quốc phòng, chứng minh viên chức quốc phòng hoặc hộ chiếu;

- Hộ khẩu;

- Giấy chứng nhận (đăng ký) kết hôn;

- Di chúc (nếu có);

- Văn bản từ chối nhận di sản (nếu có)

* Lưu ý: Bên hưởng di sản thừa kế không sử dụng Hộ chiếu (trừ trường hợp người hưởng di sản thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

(Tất cả các giấy tờ trên phải có bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Dự thảo văn bản phân chia tài sản thừa kế hoặc văn bản nhận tài sản thừa kế do người yêu cầu công chứng soạn hoặc do công chứng viên soạn theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

Các giấy tờ xác minh, giám định (nếu có) và các giấy tờ liên quan khác quy định tại phần yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Vụ việc đơn giản không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Vụ việc phức tạp không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức yêu cầu công chứng

- Cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Tổ chức hành nghề công chứng

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổ chức hành nghề công chứng

+ Cơ quan phối hợp (nếu có):

. UBND cấp xã;

. UBND cấp huyện;

. Sở Tài nguyên- Môi trường;

. Cơ quan Tòa án, thi hành án.

- Kết quả thực hiện TTHC:

Văn bản thoả thuận phân chia di sản hoặc văn bản khai nhận di sản thừa kế được chứng nhận

- Lệ phí (nếu có):

Phí công chứng theo giá trị tài sản giao dịch:

+ Dưới 50 triệu đồng - mức thu 50.000 đồng

+ Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng - mức thu 100.000 đồng.

+ Từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng - thu 0,1% giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch

+ Từ trên 1 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng - thu 1 triệu đồng + 0,06% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 1 tỷ đồng;

+ Từ trên 3 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng – thu 2.200.000 đồng + 0,05% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 3 tỷ đồng;

+ Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng – thu 3.200.000 đồng + 0,04% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 5 tỷ đồng;

+ Trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng– thu 5.200.000 đồng + 0,03% của phần giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 10 tỷ đồng;

+ Trên 100 tỷ đồng – thu 32,2 triệu đồng + 0,02% của phần giá trị tài sản

hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vượt quá 100 tỷ đồng (mức thu tối đa là 70 triệu đồng/trường hợp).

+ Thù lao công chứng, chi phí khác: Do tổ chức hành nghề xác định và sự thỏa thuận giữa tổ chức hành nghề công chứng và người yêu cầu công chứng thỏa thuận

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

+ [Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản \(tại trụ sở\)](#)

+ [Phiếu yêu cầu công chứng ngoài trụ sở \(nếu có\)](#)

+ Văn bản khai nhận di sản di sản, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (tham khảo)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

+ Niêm yết thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, khai nhận di sản thừa kế về người thừa kế và di sản thừa kế trong thời hạn 15 ngày. Việc niêm yết do tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tại trụ sở của Ủy ban nhân cấp xã nơi thường trú cuối cùng của người để lại di sản. Trong trường hợp không xác định được nơi thường trú cuối cùng thì niêm yết tại nơi tạm trú có thời hạn cuối cùng của người đó.

Trong trường hợp di sản gồm cả bất động sản và động sản hoặc di sản chỉ gồm bất động sản thì việc niêm yết được thực hiện theo quy định nêu trên và tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản.

Trong trường hợp di sản chỉ là động sản, nếu trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng và nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn cuối cùng của người để lại di sản không ở cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tổ chức hành nghề công chứng có thể đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn cuối cùng của người để lại di sản thực hiện việc niêm yết.

+ Trường hợp di sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận là các giấy tờ quy định tại Điều 50 Luật đất đai thì phải có phiếu yêu cầu cung cấp và phiếu cung cấp thông tin địa chính.

+ Các giấy tờ khác chứng minh di sản là tài sản riêng của người để lại di sản như: hợp đồng tặng cho, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế hoặc văn bản khai nhận di sản thừa kế (nếu có), giấy chứng nhận kết hôn (kèm theo trình trạng hôn nhân trước khi kết hôn) được cấp sau ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản hoặc giấy tờ khác. Trong trường hợp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không thể hiện thời điểm ly hôn hoặc người cùng sử dụng đất (cùng sở hữu tài sản) thì phải bổ sung giấy chứng tử hoặc quyết định ly hôn.

- Bản vẽ trích lục hoặc trích đo thửa đất;

- Trích lục hồ sơ lưu trữ nguồn gốc đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đối với trường hợp cấp đổi, cấp trước hoặc chứng minh nguồn gốc quyền sử dụng đất.

+ Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cấp cho hộ nếu hộ khẩu đã được cấp đổi nhiều lần không còn hộ khẩu gốc tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì tổ chức hành nghề công chứng yêu cầu người yêu cầu công chứng liên hệ cơ quan Công an trích lục bản lưu hộ khẩu gốc hoặc xác nhận số thành viên của hộ gia đình tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

* Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định việc công chứng phải có người làm chứng nhưng người yêu cầu công chứng không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký và không điếm chỉ được thì phải có người làm chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu họ không mời được thì công chứng viên chỉ định.

Người làm chứng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ về tài sản liên quan đến việc công chứng.

* Trong trường hợp người tham gia giao dịch là người nước ngoài thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch do người yêu cầu công chứng đề cử.

Người phiên dịch phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ về tài sản liên quan đến việc công chứng;

- Có khả năng phiên dịch cho người nước ngoài nghe hiểu nội dung hợp đồng, văn bản công chứng.

- Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, chứng minh sĩ quan, chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, chứng minh công nhân quốc phòng, chứng minh viên chức quốc phòng hoặc hộ chiếu của người làm chứng, người phiên dịch (nếu có).

* Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép,

có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc có sự nghi ngờ đối tượng của hợp đồng, giao dịch là không có thật thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 thông qua ngày 20/6/2014, có hiệu lực ngày 01/01/2015.

+ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, có hiệu lực ngày 01/5/2015.

+ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng năm 2014.

- [Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT](#) ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

+ Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017).

+ Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 26/02/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

+ Bộ Luật Dân sự thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực ngày 01/01/2017.

3. Luật nhà ở số 65/2014/QH13 thông qua ngày 25/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015

+ Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2015.

+ Thông tư số 19/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/6/2016 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2016.

- + Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ 01/7/2014.
- + Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014.
- + Nghị định 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014.
- + Nghị định 45/2014/NĐ- CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014.
- + Nghị định 46/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014.
- + Nghị định 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014.
- Nghị định 42/2012/NĐ- CP thông qua ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- + Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 thông qua ngày 19/6/2014, có hiệu lực ngày 01/01/2015.
- + Nghị định 126/2014/NĐ- CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình, có hiệu lực ngày 15/02/2015.
- + Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.
- + Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.
- + Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.
- + Nghị định số 06/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực (Bãi bỏ Điều 2 theo Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014).
- + Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

+ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/11/2015 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

+ Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BNG-BTP của Bộ ngoại giao, Bộ Tư pháp ngày 30/6/2016 Hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2016.

+ Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 16/11/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, có hiệu lực từ ngày 02/01/2016.

+ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015

+ Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 08/12/2015.

+ *Luật số 33/2009/QH12 về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài của Quốc hội khóa XII.*

+ Luật Hợp tác xã số 22/QH13 ngày 20/11/2012, có hiệu lực ngày 01/7/2013.

+ Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016

+ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân, có hiệu lực từ ngày 15/02/2016.

+ Thông tư số 07/2016/TT-BCA của Bộ Công an ngày 01/02/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân, có hiệu lực từ ngày 20/3/2016.

+ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/02/1999 về Chứng minh nhân dân.

+ Nghị định 106/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/9/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ.

+ Nghị định số 03/VBHN-BCA của Bộ Công an ngày 26/9/2013 về Chứng minh nhân dân.

+ Nghị định số 130/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/12/2008 về giấy chứng minh sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Nghị định số 59/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 Quy định về chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

- [Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND](#) ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc quy định diện tích tối thiểu đối với đất ở được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

+ Quyết định 17/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

+ Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung Điểm c, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2013.